

CỔ VẬT VIỆT NAM

TÌM HIỂU CỔ VẬT ĐỒNG BẰNG CỬU LONG (Tiếp theo)

Phạm Hy Tung Bach*

LTS: Nền văn hóa Óc Eo gắn liền với lịch sử phát triển vùng đồng bằng châu thổ hạ lưu sông Mêkông vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Những di tích của nền văn hóa này được biết đến từ sau cuộc khai quật của nhà khảo cổ học người Pháp L. Malleret vào năm 1944 tại cánh đồng Óc Eo (xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang). Từ đó đến nay, nền văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam được nhiều học giả trong lẫn ngoài nước quan tâm nghiên cứu, tuy vậy vẫn còn nhiều vấn đề tranh cãi, nhiều luận điểm trái chiều chưa ngã ngũ. Để góp thêm một cách nhìn, từ số 2(67).2008, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* khởi đăng loạt bài của tác giả Phạm Hy Tung Bach, dưới tiêu đề chung “*Tìm hiểu cổ vật đồng bằng Cửu Long*”.

PHẦN III: CỔ VẬT CHẠM, KHẮC

Kỳ cuối (Bài 10): VÀI CỔ VẬT ĐẶC BIỆT - THỦ “GIẢI MÃ” MỘT DẠNG VĂN TỰ LẠ - VÀI VẤN ĐỀ ĐẶT RA

1. Vài cổ vật đặc biệt

a. Chim ưng bằng ngọc khí

Năm 1944, L. Malleret thu nhặt được một gương đồng Hậu Hán (năm 25-220) tại di chỉ Óc Eo và đây là bằng chứng về sự có mặt của người Trung Hoa thời bấy giờ. Trong bài viết trên Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 1 (72). 2009, tại trang 58 người viết có đưa ra hình ảnh 5 con rồng bằng ngọc khí (di chỉ Tiên Giang), phong cách tạo hình thời nhà Chu, mà nếu tính thời Hậu Chu thì niên đại của chúng (muộn nhất) là trong khoảng thời gian năm 600-221 trước Công nguyên. Điều này hẳn gây nghi ngờ đối với những nhà khảo cổ học nào luôn phụ thuộc vào cổ vật đào bới.



Ảnh 1a: Chim ưng bằng ngọc khí Hồng Sơn-Trung Hoa, niên đại hậu kỳ Đá mới, di chỉ Bảy Núi, An Giang.



Ảnh 1b: Chim ưng bằng Nephrite niên đại hậu kỳ Đá mới, bảo tàng thành phố Kansas, USA.

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Ảnh 1a là hình con chim bằng đá, chiều cao 11cm được tìm thấy ở Thất Sơn (Bảy Núi) thuộc tỉnh An Giang. Tác phẩm *History of Eastern Art* của Sherman E. Lee xuất bản tại New York, 1966, trang 24 cũng in hình một con chim tương tự (Ảnh 1b). Năm 2007, Nxb *Mỹ thuật* cho dịch toàn bộ tác phẩm này ra tiếng Việt và con chim ở ảnh 1b được ghi chú là “Chim bằng ngọc bích, cao 10,5cm - Trung Quốc - Hậu kỳ Đá mới. Viện Bảo tàng nghệ thuật Nelson Atkins, thành phố Kansas” (Hoa Kỳ).

So ra thì con chim trong ảnh 1a hơi cao hơn, phần đuôi đầy đặn hơn so với con chim trong ảnh 1b và đã được Bảo tàng Địa chất TP Hồ Chí Minh giám định và cho kết quả: “Đá màu phớt tím, đốm lục trong mờ, cứng, được coi là *Nephrite* - một loại đá cẩm thạch của Trung Quốc thường gọi là *Jade Nephrite*, khác với loại ngọc Miến Điện làm đồ trang sức”. Trong *Từ điển địa chất* (Nxb Từ điển Bách khoa, 2006), trang 568 có ghi nguyên văn như sau: “*Nephrite* (17168): hạt mịn, có tính chất dai, chắc, màu lục nhạt, xanh nhạt, là một loại ngọc có giá trị, trước đây được đeo theo người như một loại thuốc chữa thận”.

Xét *Bách khoa thư văn hóa cổ điển Trung Quốc* (Nxb Văn hóa Thông tin, 2000), trang 1.267-1.269 có ghi: “Ngọc khí thời đại Tân thạch khí ở Trung Quốc có bốn hệ thống phát triển lớn... Ngọc khí văn hóa Tỷ Nam... Ngọc khí văn hóa Hồng Sơn đại biểu cho trình độ cao nhất của ngọc khí trước khi có sử ở lưu vực Liêu Hà vùng đông bắc... thường gặp là ngọc khí có chủ đề hình điều thú, trong ấy có loại ngọc điều khắc đề tài hình động vật như chim yến, chim ưng, con ve, con cá...”

Tháng 10/2008, người viết sang Bắc Kinh, mang theo hình ảnh con chim ngọc khí kể trên, tới hai cửa hàng bán ngọc cổ lớn nhất hỏi... mua một hiện vật tương tự. Chủ các cửa hàng đón tiếp bất thiệp nhưng đều trả lời không thể tìm ra loại quý hiếm này. Mọi người đều biết, trên thế giới có nhiều tác phẩm điêu khắc của đời trước thường được đời sau “nhái” lại phong cách để tạo ra những sản phẩm mới, nhất là các tác phẩm mang tính biểu tượng tôn giáo hay truyền thuyết lịch sử. Vì thế việc khảo sát lớp patin, tức là sự xâm thực của điều kiện tự nhiên lên hiện vật khảo cổ học đòi hỏi phải tỉ mỉ và thận trọng. Nhưng tài liệu kể trên cho biết, xét về tạo hình thì ngọc khí Trung Hoa ở mỗi thời kỳ trong giai đoạn tính từ Hậu kỳ Đá mới đến thời Xuân Thu, Hạ, Thương, Chu do điều kiện xã hội thay đổi nên có sự khác biệt nhau rất rõ. Từ các điều kể trên lại đi đến một kết luận mới nữa, hiện vật 1a có thể là sản phẩm của văn hóa ngọc khí Hồng Sơn, Trung Quốc, là nơi thường điêu khắc hình chim, khác với ba vùng văn hóa còn lại của xứ sở này. Và quan sát hình dáng, mỏ chim có thể tin rằng hiện vật trong ảnh 1a là *chim ưng*.

Do vậy, qua khảo sát kỹ lớp patin bao bọc bên ngoài hiện vật 1a - hiện vật không có gì để gọi là biểu tượng tín ngưỡng này và căn cứ vào những tư liệu vừa trích dẫn có thể tin rằng nó cũng có niên đại Hậu kỳ Đá mới, tức khoảng gần 3.000 năm trước Công nguyên như hiện vật trong ảnh 1b vậy.

Điều đáng lưu ý nhất là niên đại con chim ưng bằng ngọc khí gần 5.000 năm tuổi này, tìm thấy tại di chỉ Thất Sơn, An Giang mà tài liệu về cổ địa lý cho biết thời điểm kể trên ứng vào giai đoạn Holocen muộn, nước biển đã rút khỏi đồng bằng, xuất hiện nhiều giồng cát như ở Cai Lậy, hình thành những vũng than bùn ở U Minh, Đồng Tháp Mười... Cho nên lúc đó có hiện vật của văn hóa ngọc khí Hồng Sơn do ai đó mang tới vùng (tự cư) Thất Sơn, tức Bảy Núi thuộc địa phận tỉnh An Giang ngày nay là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

Nhưng xuất xứ từ vùng văn hóa Hồng Sơn - lục địa Trung Hoa, chim ưng “bay” đến Thất Sơn bằng con đường nào, vòng qua biển Đông rồi theo chân các dân cư quanh vùng Nam Đảo để vào đất liền cộng cư với người bản địa chăng? Điều này là có thể vì chính những bồn riu lẻ tẻ thuộc kỹ nghệ Đá mới tìm thấy ở Gò Cây Tung, Gò Cao Su năm 1994, 1995 nhưng lại phổ biến ở Sumatra, Java, Malaysia... cho phép dự đoán như vậy. Còn một khả năng nữa là con chim ưng này có thể do cư dân người Hoa cùng với tộc người Aryan tràn vào Tây Bắc Ấn hội thiên niên kỷ thứ II trước Công nguyên để rồi sau này cùng cư dân Nam Ấn hay Trung Ấn giòng buồm tới Đông Nam Á, qua eo biển Malacca và định cư ở đồng bằng Cửu Long vì nơi này nước biển đã xuống.

Dù gì đi nữa thì con chim ưng ngọc khí rất hiếm hoi này cũng là chỗ dựa cho cả hai giả thuyết khác nhau kể trên nhưng cùng đến đích chung khẳng định đồng bằng Cửu Long là nơi tụ cư từ rất sớm, ít ra cũng bằng niên đại mà nó ra đời.

b. Thư tịch cổ vùng Lưỡng Hà



Ảnh 2: Ba miếng bạc mỏng có văn tự hình nêm và một loại văn tự khác của văn minh Lưỡng Hà, niên đại thiên niên kỷ II trước Công nguyên, di chỉ An Giang.

Lưỡng Hà (Mesopotamia) là vùng đất ở Tây Á được bao bọc bởi hai con sông lớn là Tigris và Euphrates, ngày nay là miền nam Iraq. Đất đai Lưỡng Hà phì nhiêu màu mỡ nên xưa kia cư dân đông đúc và buổi sơ khai đã xuất hiện một nền văn minh rực rỡ hàng đầu thế giới và vào khoảng hai nghìn năm trước Công nguyên nhà nước Babylon chói lọi hào quang ra đời. Theo James Ritter, khoảng năm 3200 trước Công nguyên người Sumer ở vùng đất này đã cải tiến, phát triển thêm hệ chữ viết vốn được chế ra từ thiên niên kỷ trước đó.⁽¹⁾ Đó là các ký hiệu về số đếm. Đến những năm từ 2350 đến 2200 hình thành đế quốc lớn đầu tiên tại vùng Lưỡng Hà của người Akkadian thì đã có

những phát kiến cải tiến hệ thống chữ viết trong đó có chữ *đỉnh*. Gọi là chữ *đỉnh* vì tự dạng của nó giống hình cái đỉnh (Nguyễn Phi Hoanh, 1978). Nhưng qua tham khảo một số tài liệu khác thì tự dạng này còn được gọi là chữ hình (cái) *nêm*. Cũng theo James Ritter thì loại chữ *nêm* có khi được dùng làm số đếm.

Ảnh 2 ghi lại hình ảnh 3 miếng bạc đã mòn, mủn. Cả ba hiện vật đều có lỗ ở trên để treo. Hiện vật 2.1 có kích thước 11cm x 6,3cm, minh văn trên đó là chữ hình đỉnh. Hiện vật 2.2 ở phía dưới, khoảng giữa cũng là một chữ hình nêm được dập nổi, còn hai bên cạnh là loại chữ rất lạ. Hiện vật 2.3 không thấy có chữ hình nêm mà là hàng chữ rất lạ như vừa nói. Tra cứu tác phẩm do C. Scott Littleton (chủ biên) khi nói đến văn minh cổ Lương Hà cũng in hình ảnh văn bia cho thấy tự dạng là *chữ hình nêm giống y hệt* (Nhấn mạnh. PHTB) chữ trên mấy lá bạc trên.⁽²⁾

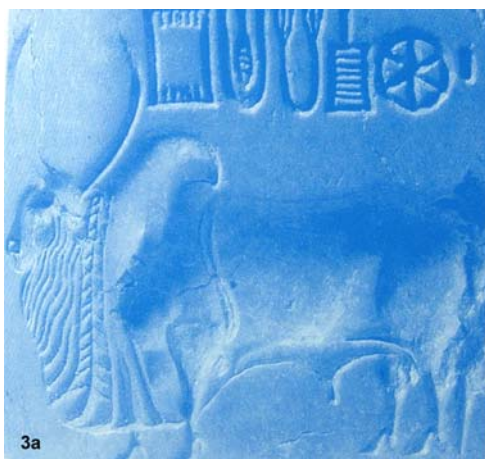
Người bán ra mấy hiện vật này khẳng quyết họ mua được tại An Giang (không nói rõ huyện, xã nào). Căn cứ vào lớp patin, độ mòn mủn của lá bạc và tự dạng dập khắc trên chúng, có thể cho rằng niên đại vào khoảng năm 2300-2200 trước Công nguyên. Theo giải thích của James Ritter (Sách đã dẫn) thì cách nay khoảng một trăm năm các học giả Tây Âu đã tìm ra bằng cứ để cho rằng thời bấy giờ người ta sử dụng chữ có tự dạng hình nêm để dùng cả trong việc ghi chép lại số lượng hàng hóa giao dịch qua lại theo phương thức hàng đổi hàng, chứ thời bấy giờ Lương Hà chưa làm ra tiền. Vậy thì rõ ràng mấy hiện vật kể trên là một loại thư tịch tương tự như sổ sách kế toán ngày nay và chúng đều được khoan lỗ phía trên để treo.

Có một điều rất đáng lưu ý là hiện vật 2.2 và 2.3, như đã nói đều có những tự dạng rất lạ, vậy phải chăng đó cũng là một trong ba mươi ký hiệu mà người Lương Hà phát minh ra và thường dùng vào thời đó?

c. Vật chạm khắc bò thần và minh văn

Như đã có lần đề cập (Tập chí *Nghiên cứu và Phát triển*, dd, trang 57) đầu thế kỷ XX người ta khai quật tại Mohenjo-daro, Ấn Độ (nay thuộc địa phận Pakistan) được khoảng 2.000 hiện vật chủ yếu bằng đá steatite. Đa số có dạng hình khối 6 mặt, dày khoảng 1cm, mặt đáy và đỉnh hình vuông mỗi cạnh 3,2cm hoặc 3,5cm. Cá biệt có hiện vật dài 7,5cm, ngang 3,5cm. Trên mặt hình chữ nhật hoặc hình vuông đều được chạm khắc nổi hình thần linh và văn tự tượng hình, như vậy còn lại 5 mặt của hình khối ấy để trơn. thỉnh thoảng cũng bắt gặp một số hiện vật được khắc chìm. Những sản phẩm này được gọi là *văn minh thung lũng Indus*.

Ảnh 3a, 3b là hai hiện vật trong số đó chạm khắc hình bò thần và chữ tượng hình (đề tài khá phổ biến vào thời cổ đại ở Ấn Độ) chụp lại từ tài liệu tham khảo. Các nhà khoa học trên thế giới nghiên cứu về chúng thường lấy dấu in trên thạch cao của mặt chạm khắc này và từ đó họ gọi tên hiện vật được chạm khắc là *con dấu*. Ở Ai Cập và Iran cũng khai quật được một số ít tác phẩm điêu khắc dạng này nhưng kích thước lớn hơn cả chục lần thì không ai gọi là con dấu mà gọi là phù điêu. Còn với sản phẩm của văn minh thung lũng Indus (dù chạm khắc nổi hay chìm) có nhà khoa học còn chu đáo



Ảnh 3a-3b: Ảnh chụp từ tài liệu tham khảo về hai hiện vật chạm nổi hình bò thần và văn tự tượng hình tìm thấy ở Mohenjo-daro, Ấn Độ, niên đại cách nay 5.000 năm, các nhà khoa học gọi là con dấu.

đặt cho nó cái tên “con dấu hình tem”, tức con dấu có hình dáng tựa như cái tem dán bì thư.

Như vậy có thể đưa ra mấy nhận xét sau:

- Gọi là “con dấu hình tem” có lẽ do chiều dày hiện vật có vẻ mỏng manh. Vậy chúng không có tiện nghi cầm nắm để đóng dấu mà gọi là “con dấu” e không hợp lý.

- Đã gọi là “con dấu” thì mặt chạm khắc phải là âm bản, nhưng các nhà khoa học Liên Xô, Đan Mạch, Ba Lan với thiết bị điện tử của những năm 1980 đã không đọc được văn tự khắc trên đó tức là chưa khẳng định được đó là âm bản mà vội vàng gọi là con dấu e không đáng lý.

- Nếu giải mã được bề mặt có hoa văn, minh văn của hiện vật và chứng minh được đó là dương bản thì việc gọi chúng bằng cái tên “con dấu” là vô lý.

Xin giới thiệu hiện vật trong ảnh 4 cũng khắc (chìm) bò thần và các văn tự tượng hình. Người bán ra cho biết mua được ở Giồng Cát, cách Ba Thê khoảng 30km. Bảo tàng Địa chất giám định chất liệu hiện vật là sa thạch, nó có màu nâu bóng tựa da bò. Tài liệu về Ấn Độ học cho hay loại sa thạch này đẹp dị thường, gọi là sa thạch Chunar (tên một mỏ đá sát vùng Banaras).



Ảnh 4: Bò thần và minh văn tượng hình chạm chìm trên sa thạch màu da bò, hiện vật này còn ở dạng tồn nghi, di chỉ Đồng Tháp.

Hiện vật có kích thước (đo gần chính xác) 9,7 x 9,7 x 5,2cm. Vì khá dày nên có thể cầm

nắm để đóng dấu được nhưng nếu không bàn đến vấn đề đọc minh văn, chỉ nói đến nét điêu khắc chìm, chỗ nông chỗ sâu để lột tả cơ thể con vật khiến cho việc in dấu trên thạch cao hay đất sét sẽ rất khó khăn nên chưa thể gọi vật này là “con dấu”. Quan sát kỹ ta thấy minh văn trên nó rất giống minh văn trên hiện vật trong ảnh 3b nên có thể ngờ đây là đồ “nhái lại” sản phẩm của Mohenjo-daro. Nhưng lớp patin bên ngoài và nét khắc trên hiện vật đang bàn lại đây lười mỗi nghi ngờ vừa nói. Cho nên, xin tạm xếp hiện vật này ở dạng tồn nghi và nếu nó là đồ cổ thật thì cũng có lý. Có thể ước tính niên đại của nó vào thế kỷ II trước Công nguyên, một phần là vì - như đã nói - đề tài bò thần rất thường được người Ấn thể hiện qua các tác phẩm điêu khắc, hội họa trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Một phần nữa là thời gian này ở Ấn Độ thường khai thác sa thạch Chunar dùng để thực hiện nhiều tác phẩm điêu khắc nổi tiếng. Và hiện vật đang bàn có những nét khắc chìm phóng túng, tương tự phong cách nét khắc chim thần Garuda trên mảnh vàng tìm thấy ở Đồng Tháp mà các nhà chuyên khảo Óc Eo thường nhắc đến, nên có thể ngờ rằng cư dân bản địa thực hiện tác phẩm này. Vậy xin đưa hiện vật ra công luận để các nhà chuyên môn cho ý kiến.

d. Tượng Đức Chúa Giêsu bị đóng đinh



Ảnh 5: Tượng chịu nạn bằng hợp kim chì thiếc, niên đại thế kỷ III-IV, di chỉ Gò Tháp.

Ảnh 6: Mũ gai trên đầu tượng chịu nạn.

Ảnh 5 là một tượng bằng hợp kim chì thiếc chiều cao 9,3cm thể hiện một nhân vật với mái tóc và bộ râu xoắn rậm, hai tay giăng ngang (cả hai cẳng tay đã bị gãy), đầu ngả hẳn về phía vai phải. Phần thân trên của nhân vật để trần, một mảnh vải khá ngắn, mỏng che phần hạ bộ, hai cẳng chân bắt chéo cũng để trần. Phía trên hai bờ vai mọc ra hai cánh, uốn cong xuống tựa như đang bay và tạo cho tác phẩm có bề ngang 8,9cm còn chiều dày 1,2cm. Ảnh 6 cho thấy trên đỉnh đầu có ba vòng tròn nổi gồ.

Không còn nghi ngờ gì nữa, đây chính là pho tượng mô tả *Đức Chúa Giêsu bị đóng đinh*, Ngài đội vòng gai trên đầu, chỉ mảnh vải nhỏ che ngang

phần thân dưới và sau giây phút bị căng hai tay đóng đinh trên thập giá Ngài đã về cõi trời, gục đầu xuống bờ vai. Có thể tin chắc vào điều này nếu tham khảo tài liệu nói về “70 bí ẩn lớn của thế giới cổ đại” của học giả Brian M. Fagan (Nxb Mỹ thuật, 2003, tr. 69) sẽ thấy khuôn mặt của pho tượng giống hệt khuôn mặt Chúa Giêsu trên đồng tiền vàng của triều đại Justinian II đúc vào năm 692 sau Công nguyên tại Constantinople.

Ki Tô giáo là một tôn giáo lớn trên thế giới với số tín đồ chiếm 35% dân số toàn cầu. Ki Tô giáo có 4 môn phái chính là Công giáo, Tin lành, Chính thống giáo và Anh giáo. Người theo đạo Ki Tô quan niệm rằng Đức Giêsu được trao một sứ mệnh cao cả là sáng lập một tôn giáo không có sự liên thông với các tôn giáo đa thần và Giêsu chính là Chúa Trời giáng thế cứu rỗi nhân loại. Về lịch sử cứu độ thì có nhiều tài liệu đưa ra các chi tiết khác nhau nên ở đây xin vắn tắt vài nội dung liên quan đến *tượng chịu nạn*. Đó là khoảng năm 35-36 sau Công nguyên, Đức Giêsu chịu đóng đinh trên thập giá, hôm đó vào ngày thứ Sáu. Sau khi về trời Ngài truyền cho các môn đệ đi tứ phương rao giảng *Tin mừng* và làm chứng Chúa đã chịu chết. Sau ba ngày, Ngài sống lại, tức vào hôm Chúa nhật (Chủ nhật). Vào khoảng năm 64 đã có sách về *Tin mừng* được chép lại thành văn bản, cho đến hết thế kỷ I sau Công nguyên thì hoàn tất 27 cuốn gọi là *Thánh kinh Tân ước* để rồi tông đồ các nơi sao chép toàn bộ hay từng phần và lưu truyền cho đến ngày nay. Nguyên ủy Ki Tô giáo phát sinh từ đạo Do Thái nhưng bị vài giáo phái khác bài xích xua đuổi. Vào đầu những năm 60 sau Công nguyên khi tràn sang Roma, Ki Tô giáo bị đế chế ngược đãi, tông đồ Cả là Phê-rô và Phao-lô đã bị giết tại đây. Nhưng không lâu sau, toàn Âu châu đã Ki Tô hóa.

Thông thường ta chỉ thấy biểu tượng chịu nạn là Đức Giêsu bị đóng đinh trên một cây thập tự với hai cánh tay bị căng ngang. Nhưng ở tác phẩm trong ảnh 5 này không thấy thể hiện cây thập tự - tức Thánh giá - thay vào đó là đôi cánh trên bờ vai. Sự khác biệt này rất có thể là vì người Kitô giáo toàn tông có niềm tin sắt đá rằng, cánh chim đại bàng sẽ dẫn linh hồn Đức Giêsu về với Chúa Trời nên đã tạo ra tác phẩm như vậy.

Dù đã nhiều lần khéo léo gặng hỏi nhưng người bán hiện vật này đều nói là họ mua được từ cư dân Gò Tháp, tức rất gần Ba Thê. Khảo sát kỹ lớp patin nhận ra nhiều chỗ đã bị mủn và sau khi so sánh với những cổ vật bằng hợp kim chì thiếc khác hiện có, cho phép đoán định niên đại pho tượng này khoảng thế kỷ III hay IV sau Công nguyên. Song có một chi tiết cực kỳ quý giá là dưới chân *tượng chịu nạn* là *chốt cấm* (nhấn mạnh -PHTB). Như vậy pho tượng làm ra không phải để đeo và chắc chắn để thờ nhưng thất lạc phần chân đế. Ngoài ra còn vấn đề nữa là, do khuôn mặt Chúa Giêsu trên pho tượng giống hệt như ở trên đồng tiền vàng nói trên, chứng tỏ *tượng chịu nạn* do nghệ nhân La Mã làm ra và đây là pho tượng Giêsu vào loại sớm trên thế giới.

Qua tài liệu khảo cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, ta thấy ở Thái Lan và đồng bằng Cửu Long đều có những cổ vật của văn hóa La Mã, nhưng có ý nghĩa hơn cả là hai đồng tiền vàng có hình Hoàng đế Antonius

(138-161) và Marcus Aurelius (161-180) do L. Malleret tìm ra năm 1944 và chúng đã được ngành Bảo tàng Việt Nam xếp vào hạng *báu vật quốc gia*. Nhưng thị trường cổ vật trôi nổi thì đã cung cấp thêm cho người quan tâm hai tượng dẹt chiến binh La Mã bằng chì, tượng võ sĩ và tuần lộc mà bài viết trước đã trình bày (Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 2 (73). 2009). Nay xuất hiện pho *tượng chịu nạn* là vấn đề phải suy nghĩ.

Sử Việt Nam có đoạn chép: “... Theo sách *Dã Lục* thì ngày tháng 3 năm Nguyên Hòa thứ nhất (1533) đời Lê Trang Tông, người Tây dương tên là Y-nê-xu lên lút đến xã Ninh Cường, xã Quần Anh, huyện Nam Chân và xã Trà Lũ huyện Giao Thủy, ngắm ngấm truyền giáo về tả đạo Gia Tô.”⁽³⁾ Đó là ghi nhận của chính sử nước ta về việc truyền đạo Ki Tô ở đồng bằng sông Hồng. Trước đó hơn 10 thế kỷ, đạo Ki Tô đã có mặt tại đồng bằng sông Cửu Long. Chính người Trung Hoa ghi lại trong sử sách rằng, năm Diên Hi thứ 9 đời Hán Hoàn Đế (năm 106 sau Công nguyên) vua nước *Đại Tần* là An Đôn đã sai sứ từ ngoài cõi *Nhật Nam* sang Trung Hoa cống vua nhà vua, sừng tê. Vậy An Đôn là ai và *Đại Tần* là nước nào? “... Vua An Đôn nước *Đại Tần* chính là Antonius của La Mã...”⁽⁴⁾ Vậy thì quan người La Mã từ ngoài cõi *Nhật Nam* (nhấn mạnh - PHTB) điều đó có nghĩa là An Đôn Hoàng đế cất cử người La Mã nào đó đang hiện diện ở vùng đất nào đó bên cạnh xứ *Nhật Nam* thay mặt mình đi dâng đồ cống. Điều này chứng tỏ vào đầu thế kỷ II đã có nhiều người La Mã đặt chân đến các khu vực sát cạnh *Nhật Nam* rồi.

Tóm lại, từ tất cả các chi tiết nói ở trên cho phép đưa ra nhận định chung là muộn nhất vào mấy thế kỷ đầu Công nguyên Ki Tô giáo đã được truyền vào đồng bằng Cửu Long - lãnh thổ Việt Nam hiện nay, chứ không phải chỉ có đạo Hindu và đạo Phật mà thôi. Tuy vậy Đức tin không được thấm sâu vào cộng đồng dân cư có lẽ chỉ vì hai lý do: Thứ nhất, lúc này (thế kỷ III sau Công nguyên) La Mã bước vào khủng hoảng nên ngày càng có ít giáo sĩ sang Đông Nam Á truyền bá một tôn giáo mới là đạo Ki Tô, trong khi cư dân vùng này đã quen đến những stupa thờ Phật hay đền thờ Ấn giáo. Thứ hai, có thể là thêm cả khó khăn về rào cản ngôn ngữ vì kinh nghiệm của Alexandre de Rhodes cho thấy vào thế kỷ 17 do đã Latinh hóa được tiếng Việt, nên sau đó lời rao giảng của ông mới được cư dân Đàng Ngoài và Đàng Trong (vốn thấm nhuần học thuyết về mối quan hệ xã hội mà người ta quen gọi là Nho giáo) cảm thụ rồi đi theo Đức tin một cách nhanh chóng và bền bỉ, khác hẳn với các quốc gia đồng văn khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên vào thời gian này ngôn ngữ của họ không bị các giáo sĩ thừa sai châu Âu làm biến đổi.

2. Thử “giải mã” một dạng văn tự lạ

Trong bài 9 (Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 5 (76). 2009) người viết đã trình bày với bạn đọc nhiều cổ vật có minh văn được tìm thấy ở đồng bằng Cửu Long khá đa dạng về loại hình văn tự. Trong số đó có một loại văn tự xin tạm gọi tên là “văn tự Z” xuất hiện phổ biến trên các tác phẩm điêu khắc bằng hợp kim thiếc và bằng đá, nhiều loại đá khác nhau như đá steatite (loại này khá hiếm), sa thạch và một số loại đá có tính nhiễm từ.

Các tác phẩm điêu khắc này phần nhiều kích thước tương đương cổ tay trẻ nhỏ, cao trên dưới 15cm nếu bằng hợp kim thiếc thì nặng khoảng 2-3kg, nếu to như bắp chân người lớn thì nặng khoảng 20kg. Loại hiện vật này xuất hiện trên thị trường khoảng 10 năm trở lại đây và nhiều nguồn tin cho biết phần lớn được tìm thấy ở Tiền Giang, sau đó là An Giang và chúng xuất lộ ngẫu nhiên do việc nạo vét kênh rạch làm thủy lợi hoặc hút sinh lầy thi công các công trình giao thông. Dưới đây là vài hiện vật tiêu biểu chạm khắc “văn tự Z”.

a. Khảo tả



Ảnh 7a - 7b: Mukhalinga bằng hợp kim thiếc và minh văn ở mặt đế hiện vật, niên đại thế kỷ VI-VIII, di chỉ Tiền Giang.

- *Mukhalinga bằng hợp kim thiếc* (ảnh 7a), chiều cao 20,5cm, phần trên dáng trụ, phần dưới hình khối vuông, xẻ rãnh ở bốn góc. Từ trên đầu linga, hai mí thiêng được vén ra hai phía, tả thực hình dạng quy đầu sống động, ở giữa chạm nổi đầu thần Shiva; phần đế có đường kính 7,5cm, mặt đáy có minh văn chạm khắc nổi (ảnh 7b).

- *Gà trống bằng hợp kim thiếc* (ảnh 8a), cao 9cm, chiều dài phần thân 6cm. Lớp patin bao bọc dày cộm bên ngoài chứng tỏ hiện vật bị chôn vùi lâu năm ở vùng đất phèn. Phần đế có đường kính 6,8cm được nghệ nhân xưa giạt cấp tạo thành tam cấp và phần bậc trên có đường bao hình vuông chặn góc chạm khắc nổi, phía bên trong có lẽ là 3 hàng văn tự, mỗi hàng có 2 ký tự (ảnh 8b).

- *Voi thần bằng đá steatite* (ảnh 9a), chính là thần Ganesha, chiều cao 8,9cm, dài 10,7cm, dày 7,5cm được điêu khắc từ khối đá steatite mà ra. Đầu voi đội vương miện, cặp mắt hướng xuống dưới đất, vòi quặp vào ức. Phần



Ảnh 8a-8b: Gà trống bằng hợp kim thiếc và minh văn ở mặt đế hiện vật, niên đại thế kỷ VI-VIII, di chỉ Tiền Giang.



Ảnh 9a-9b: Ganesha bằng đá steatite và kinh văn ở mặt đế hiện vật, niên đại thế kỷ VI-VIII, An Giang.

chân đế nhỏ dần tạo nên thế đứng gần như chụm 4 chân, phía dưới có hàng hoa văn. Mặt chân đế hình vuông có gờ nổi bao quanh và bên trong là minh văn chạm khắc nổi (ảnh 9b). Căn cứ vào lớp patin bao bọc bên ngoài, ước đoán niên đại hiện vật vào khoảng thế kỷ VI đến VIII.

b. “Giải mã”

Ở mục 1c có đưa ra ảnh chụp từ tài liệu tham khảo hình ảnh 2 “con dấu” của văn minh thung lũng Indus chạm khắc nổi hình bò thần và những ký tự tượng hình. Các tài liệu trên còn cho biết hình nhân và hình các con vật chạm khắc trên phần lớn số “con dấu” ấy là những thần linh của đạo Hindu. Khi khai quật Ốc Eo năm 1944, L. Malleret thu nhặt được một số viên đá thạch anh, mã não... cũng chạm khắc con vật hoặc hình nhân của tôn giáo này và ông cũng gọi là “con dấu”. Các hiện vật này to bằng đầu ngón tay có hình dạng “nón cối, nón lính cứu hỏa” và sau này đều được các nhà chuyên khảo về Ốc Eo Việt Nam cũng gọi như L. Mallrert (Lê Xuân Diệm, Võ Sĩ Khải, Đào Linh Côn, 1995 và Lương Ninh, 2005).

Tóm lại, tất cả các sản phẩm văn hóa kể trên đều được các học giả ngoại quốc và trong nước gọi tên là “con dấu”, *có nghĩa là họ đều hiểu hoa văn, minh văn chạm khắc trên hiện vật là âm bản*. Nói cách khác, khi đã gọi những loại hiện vật trên là “con dấu” tức các nhà khoa học đã giải mã được chức năng của nó là làm ra để phục vụ mục đích duy nhất là *thị thực*!

Trở lại vật phẩm của Mohenjo-daro (Ấn Độ) thì vóc dáng là hình khối 6 mặt nhưng hoa văn và minh văn đều được chạm khắc chung trên cùng một mặt, còn 5 mặt kia để trống. Vật phẩm L. Malleret thu thập được thì phần lớn được chạm hoa văn thần linh. Nhưng trên ba hiện vật giới thiệu ở trên thì khác hẳn, hình khối thể hiện thần linh ở dạng *tượng tròn* (nhấn mạnh - PHTB), còn mặt đáy của phần đế thì chạm nổi, đôi khi có chạm chìm nhiều đường nét. Những đường nét ấy là minh văn hay là hoa văn trang trí? Có thể tin rằng những đường nét khó hiểu này không thể rơi vào khả năng thứ hai bởi hai lý do. Thứ nhất, nếu là hoa văn để trang trí thì hoặc phải là những đường nét giống hệt nhau lặp đi lặp lại theo quy luật, hoặc là ở vị trí đối xứng nhau. Thứ hai, nếu nét khắc giữ vai trò trang trí thì không ai lại bố trí tại mặt dưới của đế hiện vật. Do vậy, có thể đoán chắc rằng những đường nét khắc ở các hiện vật nói trên là những *minh văn*. Ta lại biết các hình tượng Mukhalinga, Ganesha và vật hiệu của thần Skanda trong Hindu giáo, tức gà trống, đều là vật linh để thờ. Nói cách khác chúng được tạo thành một tác phẩm trọn vẹn như vậy là để phục vụ cho tín ngưỡng. Nếu như vậy, minh văn chạm khắc ở mặt đế - tức “văn tự Z” - chắc chắn không có nội dung “thị thực” bất cứ điều gì, và nó chỉ có khả năng mang ý nghĩa liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo về các thần linh ngự trên phần đế ấy mà thôi.

Từ đây có thể đưa ra giả thiết rằng, nếu là tượng thần Vishnu thì minh văn dưới đế có nội dung tụng ca thần bảo tồn, nếu là nhân mã chắc là ngợi ca thần tri thức... Xin lưu ý có hiện vật nặng tới 20kg, có hiện vật nặng 10kg nhưng mặt đế cong lồi thì làm sao đóng dấu, nên minh văn chạm nổi hay chìm trên các mặt đế ấy hẳn là dương bản chứ không thể khác.



Ảnh 10a-10b: Tượng bán thân Đức Thích Ca bằng đồng thau và minh văn ở mặt dưới đế (cùng loại văn tự ở ảnh 7b, 8b, 9b), niên đại thế kỷ V-VIII, di chỉ Kiên Giang.



Ảnh 11: Con dấu với minh văn bằng đá sa thạch xám, di chỉ Mỹ Tho, niên đại khoảng thế kỷ V.

Người Việt Nam nói chung không hiểu nhiều về Hindu giáo và ý nghĩa các thần linh của tôn giáo này. Nhưng Phật giáo thì bao đời nay đã thấm sâu vào tâm thức, tuy mức độ có khác nhau. Vậy nếu không tin những lý lẽ “giải mã” kể trên, xin mời chiêm bái pho tượng tròn Đức Phật bằng đồng thau (di chỉ Kiên Giang, niên đại thế kỷ V-VIII), chân đế cũng dạng “văn tự Z” (ảnh 10a, 10b). Chúng ta đều biết rằng Đức Thích Ca bất tử không bao giờ “thị thực bất cứ giao dịch dân sự” nào, cho nên tác phẩm này không thể gọi là “con dấu”. Thực ra hiện vật ở ảnh 11 (di chỉ Mỹ Tho) mới có thể gọi là con dấu.

Tóm lại có lẽ nên tạm đặt tên cho loại hình nghệ thuật của những hiện vật vừa bàn là loại *tượng tròn có minh văn*.

3. Vài vấn đề nảy sinh

Vào năm 2004, kỷ niệm 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo, một hội thảo cấp quốc gia nữa đã được tổ chức sau 20 năm kể từ lần đầu là năm 1984. Ngoài các tham luận tại hội thảo, một số tạp chí khác cũng đăng tải bài viết về văn hóa Óc Eo do các nhà chuyên môn thực hiện. Tham luận của các nhà khoa học như Nguyễn Địch Dĩ, Đinh Văn Thuận, Lê Xuân Diệm, Vũ Minh Giang, Tống Trung Tín... đưa ra những kết luận hay nhận định có sức thuyết phục và cả những ý kiến như là lời chỉ dẫn cho hướng nghiên cứu văn hóa lịch sử đồng bằng Cửu Long trong thời gian tới. Song thiên nhiên kết quả hội thảo lần này chưa có tính đột phá như những định hướng của các nhà chuyên môn 20 năm về trước bởi vì một số nội dung quan trọng của văn hóa Óc Eo bị bỏ sót hoặc có những luận điểm chưa đúng về văn hóa, lịch sử đồng bằng Cửu Long. Xin mạn phép đưa ra vài điều đáng tiếc ấy.

a. Một mảng di sản bị bỏ qua

Đó chính là loại hình tượng tròn có minh văn - ngôn ngữ đương đại gọi là văn hóa vật thể - kể trên. Theo tìm hiểu bước đầu thì hiện nay tại TPHCM có 3 người sưu tập một số hiện vật loại này, số lượng các nhà sưu tập ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ hiện cũng như vậy, và họ lưu giữ đa phần là tượng tròn bán thân có minh văn còn tượng tròn toàn thân cũng có nhưng hiếm. Không hiểu sao loại hình nghệ thuật này có mặt ở thị trường cả chục năm nay nhưng không thấy các nhà chuyên môn, các nhà chuyên khảo Óc Eo nói tới dù hàng năm họ vẫn tham gia hội nghị phát hiện mới về khảo cổ học hoặc vẫn có bài viết về văn hóa Óc Eo? Nếu nghiên cứu kỹ về chúng có thể tìm ra điều gọi là “giá trị văn hóa phi vật thể”. Đó chính là yếu tố nội sinh trong các hiện vật này. Cụ thể, thiếc là nguyên liệu tại chỗ, những hiện

vật này là tượng tròn (dù là tượng bán thân) nhưng cũng vẫn là những tác phẩm điêu khắc hoàn chỉnh và chắc chắn chúng do cư dân bản địa làm ra bởi vì các “con dấu” tìm thấy ở Mohenjo-daro hay Ai Cập, Iran đều là dạng phù điêu chạm khắc chung cả mình văn lẫn thần linh trên cùng bề mặt hiện vật chứ không tách bạch hình thể riêng, mình văn riêng như của đồng bằng Cửu Long. Ông D.G.E. Hall khi phản bác quan điểm cho rằng Đông Nam Á bị Ấn Độ hóa có viết: “... *chớ coi nhẹ nền văn hóa bản xứ ở vùng này... những dân tộc ở nơi đây có cá tính riêng biệt của họ... nền kiến trúc và mỹ thuật xưa kia lỗi lạc một thời... nó khác hẳn nền mỹ thuật Ấn Độ thuộc Phật giáo và Ấn giáo...*”.⁽⁵⁾

Nói rõ ra các tác phẩm tượng tròn có mình văn dù với đề tài Ấn giáo, Phật giáo là hai tôn giáo xuất xứ từ Ấn Độ nhưng sản phẩm này của đồng bằng Cửu Long không trộn lẫn với bất cứ nơi nào khác, nó là độc bản vì cho đến nay chưa có tài liệu nào công bố Thái Lan, Malaysia, Campuchia hay Indonesia phát hiện ra loại này. Một đặc điểm nữa trong loại hình nghệ thuật này là sự đa dạng về chất liệu: phổ biến nhất là chúng được làm từ sa thạch xám, sau đó là hợp kim thiếc, thỉnh thoảng có thể bắt gặp một số tác phẩm bằng đá steatite hay đá đen tuyền có tính nhiễm từ. Đó là những loại đá không có ở đồng bằng Cửu Long. Và tác phẩm bằng đồng thì cho đến nay chỉ có duy nhất hiện vật ở ảnh 10a. Chính sự xuất hiện hàng trăm kilogam thiếc cục dạng nguyên liệu thô tìm thấy ở Tiền Giang (đã nói trong bài viết trên Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển số 3 (74). 2009, tr. 111) và những hiện vật làm từ các loại đá vừa nêu đã là một trong số các chứng cứ xóa tan mọi nghi ngờ rằng loại hình nghệ thuật này là đồ giả. Thêm nữa, có một chi tiết cực kỳ quan trọng là dạng “văn tự Z” xuất hiện phổ biến ở loại hình nghệ thuật này, trong khi đó có rất ít hiện vật được chạm khắc chữ Khmer cổ (xin nói vào dịp khác) đã cho phép phỏng đoán vào thời kỳ nó được sinh ra tại đồng bằng Cửu Long thì nơi này tộc người Khmer chỉ là thiểu số.

b. Một vài lập luận sai lầm

Cũng trong dịp lễ kỷ niệm kể trên, một nhà chuyên môn quản lý kho tàng cổ vật Ốc Eo lớn nhất đất nước là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam TP Hồ Chí Minh trong một bài viết được dịch sang Anh ngữ trên số đặc san *Cổ vật tinh hoa*, 9-2004 đã rất quan liêu, bất chấp cả kết quả khai quật trước đó chỉ vài năm, phát biểu rằng: “*Văn hóa Ốc Eo được hình thành và phát triển trong khoảng thế kỷ I đến thế kỷ VI sau Công nguyên*”. Một điều đáng tiếc nữa là trong hội thảo kỳ này vấn đề cương vực, quy mô và tính chất của tổ chức chính trị, xã hội của vương quốc Phù Nam cổ mà một số nhà chuyên môn có tên tuổi đưa ra có lẽ không thuyết phục như vấn đề gọi Phù Nam là *đế chế* (xin bàn vào dịp khác). Trước mắt đơn cử một ý kiến trong bài tham luận của một nhà chuyên khảo Ốc Eo mà người viết cho là sai lầm: “... *Theo Hán ngữ thì Phù có nghĩa là giúp đỡ, nâng đỡ, Nam: phương Nam, nước Phù Nam có nghĩa là những nước ở phương Nam được sự giúp đỡ của Thiên*

triều nhà Đông Ngô (Trung Quốc), nó không phải là từ phiên âm của Phnom (của tiếng Khmer) mà giới khoa học xưa nay từng ngộ nhận...”.⁽⁶⁾

Ta biết rằng P. Pelliot là người đầu tiên thu thập và trích dịch những tư liệu liên quan đến vùng đất gọi là Phù Nam trong thư tịch cổ Trung Hoa và hầu hết các nhà chuyên khảo Ốc Eo trước kia và hiện nay khai thác kho tư liệu ấy đều qua bản dịch ra tiếng Pháp của ông. Thêm nữa, người Trung Hoa xưa gọi tên người hay vùng đất nào đó (chưa có tên gọi bằng Hán tự) thì “nhái lại” cái âm phát ra tên gọi người ấy, vùng đất ấy. Tiếng Việt của ta có tới 60% từ tố gốc Hán nên xưa kia ta gọi tên người hay vùng đất lạ theo âm Hán Việt mà không thể giải được những danh từ ấy nghĩa là gì. Ví dụ New Zealand gọi là Tân Tây Lan, Paul Doumer gọi là Đô Mỹ, bỏ qua từ “Pôn” một cách bất quy tắc, và hàng loạt cái tên như Á Căn Đình (Argentina), Nã Phá Luân (Napoléon)... Trở lại đoạn trích dẫn kể trên, nếu đọc các tài liệu Anh, Pháp có thể thấy tên gọi vùng đất đang bàn được viết là *Founan* hay *Funan*... lẽ ra phát âm là *Phu* (*nan, năng*) nhưng ta phát âm theo âm Hán Việt và viết là *Phù Nam* (lại viết hoa cả chữ *Nam*) khiến tác giả đoạn trích dẫn trên ngộ nhận *Phù Nam* là tên gọi do người Trung Quốc đặt ra.

Tóm lại “Phù Nam” là người Việt gọi theo âm Hán-Việt chứ không phải người Trung Hoa gọi như thế và cho đến nay chưa có cơ sở để hiểu thực nghĩa “Phù” là gì “Nam” là gì, và “Phù Nam” là gì.



Ảnh 12: Mỏ neo bằng đá các loại, di chỉ Long An.



Ảnh 13: Mỏ neo bằng đá của hải thuyền thời cổ đại tìm thấy ở ngoài khơi Địa Trung Hải.

Càng ngày những cuộc khai quật khảo cổ ở đồng bằng Cửu Long càng cung cấp nhiều thông tin phát hiện mới. Như đã nói, nhiều công trình giao thông, thủy lợi, kể cả kinh tế hộ gia đình như làm vườn, đào ao nuôi cá, nuôi tôm đã làm xuất lộ nhiều cổ vật lạ. Xin đơn cử các hiện vật trong ảnh 12 là một phần trong bộ sưu tập mỏ neo bằng đá của nhà sưu tập NVP ở TP Hồ Chí Minh và ông cho biết chúng ở di chỉ Long An. Ảnh 13 chụp lại từ tác phẩm *L'archéologie sous la mer* (Khảo cổ học dưới biển) xuất bản tại Paris

năm 1981 của tác giả Piero Alfredo Grandrotta, trong đó có những mô neo bằng đá khoét sẵn lỗ để cài que cắm xuống đáy biển, đáy sông, cả loại mô neo sử dụng trọng lượng tự thân của chúng là những mô neo thời cổ đại trực vớt được ở Địa Trung Hải cách nay vài chục năm. Bộ sưu tập mô neo bằng đá mà chất liệu đá không có ở đồng bằng Cửu Long của ông NVP là bằng chứng minh họa cho ý kiến của các nhà chuyên khảo Óc Eo rằng nơi này là thị cảng quan trọng nhất cho sự thịnh vượng của toàn vùng qua hoạt động kinh tế ngoại thương muộn nhất vào đầu Công nguyên.

Nhưng hơn hết thảy, đến nay người ta có thể tin chắc rằng nền văn hóa Óc Eo bắt đầu rất sớm, do vị trí địa lý nên tuy không thể sánh với văn minh Lưỡng Hà nhưng có thể sớm hơn vùng hạ lưu Mê-nam. Điều này bác bỏ luận điểm của Sherman E. Lee (1918-2008) thể hiện trong bảng niên biểu *Lịch sử mỹ thuật Viễn Đông* cho rằng thời kỳ Đồ đá mới ở Việt Nam, Campuchia kéo dài đến thế kỷ thứ II trước Công nguyên. Và đã có đủ bằng cứ vững chắc để nói rằng khi đồng bằng Cửu Long trở thành nơi tụ cư thì Óc Eo là hải cảng tiên tiêu đón nhận các tộc người từ phương xa đến định cư. Từ đó dần dần ngày càng rõ nét địa bàn này từng là nơi sinh sống của nhiều tộc người và ngay từ đầu Công nguyên cư dân từ nơi xa xôi đến đây không chỉ có người Ấn, Hoa. Sự xuất hiện những cổ vật La Mã với tần suất cao hơn so với cổ vật Trung Hoa cho phép ta nghĩ như vậy. Thêm nữa, một điều lý thú là tìm hiểu văn hóa, lịch sử Phù Nam qua sử liệu thì hiện thời chỉ có thể trông cậy vào kho sử liệu Trung Hoa mà thôi. Thế nhưng hầu hết các cổ vật của vùng đất này hầu như chẳng mấy may có dấu vết phong cách Trung Hoa. Đây là cơ sở để đưa ra nhận xét rằng ít nhất là từ thế kỷ VII trở về trước Phù Nam nói chung, đồng bằng Cửu Long nói riêng ít chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Trong khi đó, sự có mặt của người La Mã (đã nói ở mục 1d) khiến ta hiểu rằng thời bấy giờ cư dân bản địa đã lĩnh hội cả nghệ thuật điêu khắc Ấn-Hy-La cổ đại và như thế khi nói về văn hóa đồng bằng Cửu Long không thể không nói đến nghệ thuật chạm khắc và tạo hình của cư dân nơi này bởi nó đã đóng góp đáng kể cho nền mỹ thuật của nhân loại, song cho đến nay vấn đề này không được các nhà chuyên khảo Óc Eo nhắc tới. Ngoài ra rất cần phải nhắc lại một điều rằng vào đầu Công nguyên không chỉ có Hindu giáo, Phật giáo du nhập vào đồng bằng Cửu Long mà còn có cả Ki Tô giáo nữa.

Qua loạt bài giới thiệu những cổ vật của nền văn hóa Óc Eo trôi nổi được giới cổ ngoạn sưu tập, người viết hy vọng cung cấp được một vài thông tin góp phần tìm hiểu cội nguồn văn hóa, lịch sử đồng bằng Cửu Long. Rõ ràng là vào những thế kỷ đầu Công nguyên, cư dân vùng đất này không chỉ cung ứng cho thương nhân nước ngoài những sản vật địa phương mà chắc chắn họ còn gia công, chế tác để xuất khẩu những sản phẩm mỹ nghệ như các loại mặt đeo hay mặt nhẫn chẳng hạn, thậm chí rất có thể gồm cả các tác phẩm tượng tròn có minh văn cho các thương nhân chủ yếu đến từ các vùng Địa Trung Hải và các xứ lân bang. Người viết hy vọng

trong một tương lai không xa, di tích công xưởng ở đồng bằng Cửu Long sẽ xuất lộ dưới lưỡi cuốc khảo cổ học. Và như thế, trong thời kỳ văn hóa Óc Eo từ thế kỷ I đến VII, nền kinh tế của đồng bằng Cửu Long bao gồm ba hình thái: nông nghiệp, thương nghiệp và tiểu thủ công nghiệp và nơi này chính là vùng kinh tế trọng điểm của vương quốc Phù Nam. Xác định như vậy sẽ hướng người ta nghiêng về giả thuyết: Từ thế kỷ VIII trở đi nguyên nhân chính dẫn đến sụp đổ vương quốc Phù Nam không phải là do xung đột có tính hủy diệt giữa các tiểu quốc mà là do thương cảng Óc Eo lúc đó đã mất đi vai trò là *trung tâm liên thế giới*.

Tháng 10/2009

P H T B

CHÚ THÍCH

- (1) James Ritter. "Nguồn gốc hệ đếm theo vị trí của nền văn minh Lưỡng Hà", *Almanach những nền văn minh thế giới*, Nxb Văn hóa-Thông tin, 1996, tr. 666-669.
- (2) C. Scott Littleton (chủ biên). *Huyền thoại thế giới*, Nxb Mỹ thuật, 2004, tr. 117.
- (3) *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Viện Sử học, Nxb Giáo dục, 1999, tập hai, tr. 301.
- (4) Hà Văn Tấn. "Óc Eo, những yếu tố nội sinh và ngoại sinh", *Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng Cửu Long*, Sở Văn hóa-Thông tin An Giang, 1984, tr. 222-231.
- (5) D.G.E Hall. *Đông Nam Á sử lược*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, tr. 14.
- (6) Lê Xuân Diệm. "Quá trình hình thành châu thổ sông Cửu Long", *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện Văn hóa Óc Eo (1944-2004), Nxb Thế giới, 2008, tr. 22.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch. *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, Nxb Thông tin, 2003.
2. Rachel Storm. *Huyền thoại phương Đông*, Nxb Mỹ thuật, 2003.
3. Shijie Congshu. *Những nền văn minh thế giới*, Nxb Văn học, 2004.
4. Hoàng Tâm Xuyên (chủ biên). *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2003.
5. Jean Chevalier-Alain Gheerbrant. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng, 2002.
6. Linh mục Taniala Hoàng Đức Anh. *Lịch sử cứu độ*, Nxb Tôn giáo, 2008.
7. Lê Xuân Diệm, Võ Sĩ Khải, Đào Linh Côn. *Văn hóa Óc Eo - những khám phá mới*, Nxb Khoa học xã hội, 1995.
8. Lương Ninh. *Vương quốc Phù Nam - Lịch sử và văn hóa*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa-Thông tin, 2005.
9. Nguyễn Phi Hoanh. *Một số nền mỹ thuật thế giới*, Nxb Văn hóa, 1978.

TÓM TẮT

Trong bài viết này tác giả đưa ra 4 hiện vật lạ là chim đại bàng bằng ngọc của văn hóa Hồng Sơn (Trung Hoa), những miếng bạc có chữ hình (cái) nôm của văn minh Lưỡng Hà, miếng sa thạch màu da bò chạm khắc bò thần và chữ tượng hình giống như "con dấu" của văn minh Indus (tuy niên đại có muộn hơn), và tượng thờ hình chúa Giêsu bị đóng đinh.

Qua đó, tác giả minh họa thêm ý kiến cho rằng vào thời Hậu kỳ Đá mới đã có cư dân tụ cư tại đồng bằng Cửu Long và muộn nhất vào thế kỷ II hay IV sau Công nguyên đã có các giáo sĩ Ki Tô giáo đến đây giảng đạo.

Tác giả còn đưa ra quan điểm riêng là các hiện vật mà các nhà khoa học gọi là “con dấu” tìm thấy ở Mohenjo-daro (Ấn Độ) vào đầu thế kỷ XX không có công năng đóng dấu nên không thể gọi tên như vậy, nó được người xưa làm ra là để phục vụ tín ngưỡng. Đồng thời tác giả cũng công bố các cổ vật bằng đá, hợp kim thiếc, bằng đồng thau là những pho tượng bán thân hay toàn thân các thần linh và ở phần mặt dưới của đế tượng được chạm khắc minh văn. Đây là mảng cổ vật Óc Eo chưa có tài liệu nào nói tới. Qua việc xuất hiện phổ biến loại hình văn tự rất lạ trên các hiện vật kể trên (không phải là chữ Khmer cổ) tác giả cho rằng vào thời kỳ văn hóa Óc Eo, ở đồng bằng Cửu Long nếu có tộc người Khmer thì chỉ là nhóm thiểu số.

ABSTRACT

A STUDY ON THE ANTIQUITIES IN THE MEKONG DATA

PART THREE: ANTIQUE CARVINGS AND SCULPTURE

Article 10 (Final article): SOME SPECIAL ANTIQUES - AN ATTEMPT AT “DECODING” A TYPE OF STRANGE SCRIPT AND SOME ISSUES TO BE SOLVED

In this article the author introduces 4 strange samples: An eagle made of precious stone belonging to the Chinese Hồng Sơn culture, pieces of silver with words written in the form of wedges belonging to the Mesopotamia culture, a piece of brown yellow sand stone with a carving of the holy cow Nandin and ideograms looking like seals that belongs to the Indus civilization (dating back to a later time in comparison to the cultures mentioned above) and a statue of Jesus Christ nailed on the crucifix. The author uses these samples as further evidence for his belief that in the post-neolithic era the Mekong Delta already had its population and that at the latest, in the 2nd or 4th century Catholic missionaries already came to the place to propagate the religion.

The author also makes known his own belief that the objects found in Mohenjo-daro (India) in the beginning of the 20th century, that scientists have so far asserted to be “seals”, were not made for such a function but they were to serve religious purposes. At the same time the author introduces antique samples made of stone, tin alloy, brass, that are busts or full statues of gods with epigraphs carved on their bottoms. This represents an aspect of Óc Eo antiquity that has not been mentioned by any documents. The popular appearance of a type of strange scripts on those antiques - that is different from Khmer written language- convinces the author to think that if the Khmer people had already inhabited the Mekong Delta in the times of the Óc Eo culture, they could only have been an ethnic minority here.